

Số: 147/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYỀN QUANG

Căn cứ các điều 149, 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Hoàng Khánh L, sinh ngày 20/5/1997; nơi thường trú: Thôn Thành T, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú: Số nhà 99, đường N, tổ 16, phường H 1, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số 0021xxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 04/10/2022;

2. Anh Trần Đức Q, sinh ngày 18/10/1988; nơi thường trú: Thôn Thành T, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú: Số nhà 99, đường N, tổ 16, phường H, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số 02608xxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 25/09/2022;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Khánh L và anh Trần Đức Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã Bình T, tỉnh Phú Thọ). Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Khánh L và anh Trần Đức Q là hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, chị Hoàng Khánh L và anh Trần Đức Q đều tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Khánh L và anh Trần Đức Q có 02 con chung là Trần Diệu A, sinh ngày 14/10/2017 và Trần Phương Q, sinh ngày 17/05/2022. Khi ly hôn, chị L và anh Q thỏa thuận giao cho chị Hoàng Khánh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A và cháu Q đến khi cháu A và cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Trần Đức Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Diệu A với mức là 4.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu Trần

Phương Q với mức là 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2026 cho đến khi cháu A và cháu Q đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị **Hoàng Khánh L** và anh Trần Đức Q xác nhận không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trần Đức Q tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Khánh L và anh Trần Đức Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Hoàng Khánh L và anh Trần Đức Q thống nhất thỏa thuận giao cho chị Hoàng Khánh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Trần Diệu A, sinh ngày 14/10/2017 và cháu Trần Phương Q, sinh ngày 17/05/2022 cho đến khi cháu A và cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Trần Đức Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Diệu A với mức là 4.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu Trần Phương Q với mức là 4.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 06/2026 cho đến khi cháu Trần Diệu A và cháu Trần Phương Q đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Trần Đức Q không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con sau khi ly hôn chị Ly, anh Q có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Khánh L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000857 ngày 24/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN**Đã ký****Trần Xuân Đạt**